ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2970/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2017*

THANH TRA TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 1185
Ngày: 11/12/2017
Chuyển:

QUYẾT ĐỊNH
Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 6 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 6 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 3231/STC-QLNS ngày 08/12/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn: ..... 6.907.000 triệu đồng.

- Thu nội địa ..... 6.307.000 triệu đồng;
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu ..... 600.000 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục I, I.1 và I.2)

2. Tổng chi NSĐP:.....8.445.500 triệu đồng, gồm:

a) Chi cân đối NSĐP: .....7.190.073 triệu đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển:.....2.177.090 triệu đồng.
- Chi thường xuyên:.....4.793.507 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay: ..... 400 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương:..... 1.000 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: ..... 168.000 triệu đồng.

- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: ..... 50.076 triệu đồng.

b) Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: .....1.255.427 triệu đồng,

- Chi chương trình mục tiêu quốc gia: ..... 91.555 triệu đồng.

- Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: .....1.163.872 triệu đồng,

(Kèm theo phụ lục II)

3. Bội thu ngân sách địa phương:..... 6.200 triệu đồng.

4. Tổng số vay trong năm: ..... 49.671 triệu đồng.

Điều 2.

1. Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh.

(Kèm theo phụ lục III, IV và IV.1)

2. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và mức bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho các huyện, thành phố năm 2018.

(Kèm theo phụ lục V, VI và VII)

Điều 3. Căn cứ dự toán ngân sách năm 2018 được giao, các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh; các huyện, thành phố bố trí nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 như sau:

1. Đối với các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh:

a) Các cơ quan, đơn vị có nguồn thu thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2018 từ một phần nguồn thu được để lại theo quy định;

b) Các cơ quan, đơn vị thực hiện tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định (kể cả các đơn vị trực thuộc).

2. Đối với các huyện, thành phố:

a) Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2018 từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất) và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2017 còn dư chuyển sang (nếu có);

b) Chủ động bố trí ngân sách địa phương, nguồn kinh phí ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ và nguồn cải cách tiền lương của địa phương sau khi đã bảo đảm nhu cầu cải cách tiền lương để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương và tỉnh ban hành theo quy định. Căn cứ kết quả thực hiện, các huyện, thành phố có báo cáo gửi Sở Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách năm sau để các địa phương có nguồn triển khai thực hiện.

c) Căn cứ kết quả thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản pháp luật liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo Sở Tài chính

xác định phần giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công lập để bổ sung nguồn thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương và tỉnh ban hành trên địa bàn.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan có trách nhiệm tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách tại Điều 1 theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc phân bổ dự toán và giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc và đơn vị sử dụng ngân sách tại Điều 2 theo đúng quy định. Căn cứ dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị triển khai giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2018 đến từng đơn vị sử dụng ngân sách trước ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tổ chức việc công khai dự toán ngân sách đúng quy định; Báo cáo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả phân bổ, giao dự toán ngân sách để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; Tổ chức thực hiện dự toán được giao theo đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2018 và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp trên trực tiếp quyết định dự toán và phân bổ ngân sách. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Uỷ ban nhân dân huyện, thành phố giao dự toán ngân sách năm sau cho từng cơ quan, đơn vị thuộc cấp mình và cấp dưới; đồng thời, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế, Cục trưởng Cục Hải quan, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Thắng

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- Trang Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.VPUBND tỉnh.

(Dương Thảo) 7766

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2018

Của đơn vị: **THANH TRA TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2970/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

NỘI DUNG	Tổng kinh phí được sử dụng	*Kinh phí ngân sách giao 2018*	*Kinh phí sử dụng từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước để đảm bảo quỹ lương*	Trong đó:
				Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để CCTL theo quy định
1	2=3+4	3	4	5
I. THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ				
II. TỔNG CHI NGÂN SÁCH (*)	**6.772.000**	**6.722.000**	**50.000**	**214.000**
1. Chi quản lý hành chính	**6.772.000**	**6.722.000**	**50.000**	**214.000**
- Số biên chế được giao	31			
- Tổng số chi	6.772.000	6.722.000	50.000	214.000
+ Kinh phí tự chủ	*5.289.000*	*5.239.000*	*50.000*	*92.400*
+ Kinh phí không tự chủ	*1.483.000*	*1.483.000*	-	*121.600*

*** Ghi chú:**

(1) Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp).

STT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM 2018	Ghi chú
1	2	5	8
8	**Thanh tra tỉnh**	**1.398.000**	
	+ Trích từ nguồn thu phạt công tác thanh tra	1.050.000	
	+ KP đối nội - đối ngoại	50.000	
	+ KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	30.000	
	+ KP Đoàn liên ngành đất nông lâm trường 2018	25.000	
	+ KP đoàn 786	90.000	
	+ KP soạn thảo hội cựu chiến binh	5.000	
	+ KP soạn thảo văn bản QPPL (02 văn bản)	18.000	
	+ KP trang phục thanh tra	130.000	